| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **278**/2026/DS-PT
Ngày: 16-4-2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Nam**

***- Các thẩm phán:*** Ông **Trần Thanh Phong**

Bà **Đinh Thị Quý Chi**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Tỉnh Đồng Nai:** Ông **Nguyễn Đình Thắng** – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 232/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 307/2026/QĐ-PT ngày 02/4/2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V (V1)**;

Địa chỉ: H L, phường L, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Trí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T.

Ông T uỷ quyền lại cho: Bà Vũ Thị Thùy T1, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: V1 – số B X Hà Nội, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: 1, khu phố N, phường T (khu phố C, phường T, thành phố B cũ), tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) trình bày:*

Bà Trần Thị Kim L có vay vốn tại V1, theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ: DSA/VN0010325/20221239 ngày 15/12/2022 (còn gọi là hợp đồng LD2236101961):

Số tiền vay: 87.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 27/12/2022 đến ngày 15/12/2027); Lãi suất cho vay trong hạn: 25%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 15.638.159 đồng, trong đó: tiền gốc 5.310.424 đồng, tiền lãi 10.327.735 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là 153.431.139 đồng, trong đó nợ gốc là 81.689.576 đồng, nợ lãi là 71.741.563 đồng.

2/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ: LN2205285875049 ngày 31/05/2022 (còn gọi là hợp đồng LD2215102020): Số tiền vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 31/05/2022 đến ngày 05/05/2027); Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 52.008.767 đồng, trong đó: tiền gốc 18.178.261 đồng, tiền lãi 33.830.506 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là 235.558.961 đồng; trong đó nợ gốc là 131.821.739 đồng, nợ lãi là 103.737.222 đồng.

3/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2206296108958 ngày 25/06/2022 (còn gọi là hợp đồng LD2218300294); số tiền vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 02/07/2022 đến ngày 05/06/2026); lãi suất cho vay trong hạn 22%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng; Mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 36.168.550 đồng, trong đó: tiền gốc 15.932.780 đồng, tiền lãi 20.235.770 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là 150.396.519 đồng; trong đó: nợ gốc là 84.067.220 đồng, nợ lãi là 66.329.299 đồng.

4/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2210117038337 ngày 10/10/2022 (còn gọi là hợp đồng LD2228600358); Số tiền vay 100.000.000 đồng;

Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 13/10/2022 đến ngày 10/10/2027); Lãi suất cho vay trong hạn 23%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng; Mục đích vay tiêu dùng;

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 23.004.196 đồng, trong đó: tiền gốc 7.862.406 đồng, tiền lãi 15.141.790 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là 167.334.892 đồng; trong đó nợ gốc là 92.137.594 đồng, nợ lãi là 75.197.298 đồng.

5/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2212057684822 ngày 02/12/2022 (còn gọi là hợp đồng LD2234200762); Số tiền vay 100.000.000 đồng; Thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 08/12/2022 đến ngày 05/12/2026); Lãi suất cho vay trong hạn 25%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng; Mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 20.339.995 đồng, trong đó: tiền gốc 7.979.995 đồng, tiền lãi 12.360.000 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là 173.917.961 đồng; trong đó nợ gốc là 92.020.005 đồng, nợ lãi là 81.897.956 đồng.

6/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số: 325-P-0334301 ngày 25/05/2022: Hạn mức thẻ 100.000.000 đồng; Lãi suất 2.99%/tháng (tương đương 35.88%/năm); Mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 42.215.105 đồng, trong đó: tiền gốc 14.647.564 đồng, tiền lãi 27.567.541 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng trên là  238.196.188 đồng; trong đó nợ gốc là 93.495.436 đồng, nợ lãi là 144.700.752 đồng.

V1 đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn, nhưng bà Trần Thị Kim L vẫn không thực hiện thanh toán đúng hạn.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ, do đó V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 05/7/2023 và đã ra thông báo thu hồi toàn bộ nợ vay đối với các hợp đồng nêu trên, đồng thời khởi kiện bà Trần Thị Kim L.

Tính tới ngày 24/9/2025, tổng dư nợ của các khoản vay nêu trên là: 1.118.835.660đ (một tỷ một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng); trong đó nợ gốc là: 575.231.570 đồng, nợ lãi là: 543.604.090 đồng.

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu:

1. Bà Trần Thị Kim L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2025 là: 1.118.835.660đ (một tỷ một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 575.231.570 đồng, nợ lãi là: 543.604.090 đồng.

Đồng thời, Bà Trần Thị Kim L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*- Bị đơn bà Trần Thị Kim L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà Trần Thị Kim L đều vắng mặt và cũng không có lời khai, ý kiến trình bày.*

**Tại bản án số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tuyên xử**:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 274, 278, 280, 357, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95, 120 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ: 1.118.835.660đ (một tỷ một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 575.231.570 đồng, nợ lãi là: 543.604.090 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2025, bị đơn bà Trần Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai**:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: thực hiện đúng quy định về thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 286 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy dịnh của Bộ luật tố tụng dân sự theo Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 07/10/2025, bị đơn bà Trần Thị Kim L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:***

**[1] Về thủ tục kháng cáo**: Đơn kháng cáo bị đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

**[2] Về thủ tục tố tụng**:

[2.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: cấp sơ thẩm xác định chính xác.

[2.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách tố tụng.

**[3] Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự**:

Ngân hàng TMCP V và bà Trần Thị Kim L có ký kết các hợp đồng tín dụng số: DSA/VN0010325/20221239 ngày 27/12/2022, LN220205285875049 ngày 31/5/2022, LN2206296108958 ngày 25/6/2022, LN2210117038337 ngày 13/10/2022, LN2212057684822 ngày 08/12/2022, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Số thẻ 325-P-0334301) ngày 25/5/2022, trong đó bên cho vay là Ngân hàng TMCP V và bên vay là bà Trần Thị Kim L.

Theo các hợp đồng tín dụng, bà L vay của Ngân hàng T2 là 537.000.000 đồng, lãi suất từ 22-25%/năm. Đối với giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số: 325-P-0334301 ngày 25/5/2022: Hạn mức thẻ 100.000.000 đồng; lãi suất: 2.99%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Kim L vi đã phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 05/7/2023 và đã ra thông báo thu hồi toàn bộ nợ vay đối với các hợp đồng nêu trên.

Hồ sơ thể hiện, tính đến ngày 24/9/2025, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 189.374.772 đồng, trong đó gốc là 69.911.430 đồng ; lãi là 119.463.342 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Trần Thị Kim L phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2025 là: 1.118.835.660đ (một tỷ một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 575.231.570 đồng, nợ lãi là: 543.604.090 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[**4**] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**[5]** Các phần khác của bản sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[**6**] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ nhận định trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Trần Thị Kim L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 332/2025/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, 269 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Trần Thị Kim L.

Buộc bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ: 1.118.835.660đ (một tỷ một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 575.231.570 đồng, nợ lãi là: 543.604.090 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2025, bà Trần Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 45.565.070đ (bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.422.000 đồng, theo biên lai số 0006762 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (cũ); nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai.

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007937 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**:
- TAND khu vực 1 - Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1 - Đồng Nai;
- Các đương sự (Để thi hành án)
- Lưu VP, Hồ sơ, TNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Thanh Nữ**